

CHÍNH SÁCH CỦA MẠC PHỦ TOKUGAWA ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA NÓ

Trần Nam Trung

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Năm 1603, Tokugawa Ieyasu đã lập ra Mạc phủ Tokugawa, mở ra thời kì hòa bình lâu dài của Nhật Bản. Nhằm duy trì sự ổn định xã hội, Mạc phủ Tokugawa đã ban hành hàng loạt chính sách trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đối với Phật giáo, Mạc phủ buộc các gia đình phải đăng kí sinh hoạt tôn giáo cố định tại một ngôi chùa ở địa phương; yêu cầu các tông phái phải lập bản kê khai các tự viện trong tông phái của mình; cấm việc xây dựng các tự viện mới; khích lệ việc học tập và nghiên cứu giới luật của các tự viện trong cả nước. Những chính sách đó đã để lại những tác động nhiều mặt đối với chính quyền Mạc phủ, cũng như Phật giáo. Đối với Phật giáo, những chính sách của Mạc phủ Tokugawa đánh dấu *thời kì phục hồi nhưng bị khống chế chặt chẽ* của tôn giáo này ở Nhật Bản. Những đặc quyền mà Phật giáo có được đã đem lại quyền lực rất lớn cho các ngôi chùa Phật giáo đối với người dân Nhật Bản từ nông dân tới võ sĩ. Đây cũng là thời kì chứng kiến sự phục hưng học thuật của các tông phái Phật giáo Nhật Bản. Đối với Chính quyền Mạc phủ, Phật giáo bị chính quyền khống chế chặt chẽ, trở thành công cụ hữu hiệu để chống lại Thiên Chúa giáo cũng như quản lí và kiểm soát cư dân, củng cố trật tự xã hội phong kiến.

1. Mở đầu

Mạc phủ Tokugawa nói chung, những chính sách mà Mạc phủ này thực thi trong đó có chính sách đối với Phật giáo nói riêng là đề tài ít nhiều đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước. Có thể kể tên một số nhà nghiên cứu có đề cập đến vấn đề này: George Sansom với *Lịch sử Nhật Bản*, tập 3, Nxb Khoa học Xã hội xuất bản năm 1995; Nguyễn Văn Kim với công trình *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời Tokugawa: nguyên nhân và hệ quả*, Nxb Thế giới, xuất bản năm 2000 và công trình *Nhật Bản với châu Á: Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia xuất bản năm 2003; Tamamuro Fumio trong bài viết *Local society and the Temple - Parishioner relationship within the Bakufu's Governance structure*, *Japanese Journal of Religious Studies*, năm 2001; Kitagawa với công trình *Nghiên cứu tôn giáo Nhật Bản*, Nxb Khoa học Xã hội xuất bản năm 2002; Giác Dũng với công trình *Lịch sử Phật giáo Nhật Bản*, Nxb Tôn giáo ấn hành năm 2002; Trần Quang Thuận (2008) với tác phẩm *Phật giáo Nhật Bản*, Nxb Tôn giáo; Phạm Thu Giang trong *Bài giảng chuyên đề Nghiên cứu Nhật Bản - Lịch sử văn hóa xã hội* do Phan Hải Linh chủ biên, Nxb Thế giới xuất bản năm 2010... Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu tìm hiểu một cách hệ thống về chính sách của Mạc phủ Tokugawa đối với Phật giáo và những tác động của chính sách đó. Trên cơ sở tập hợp những tư liệu bằng tiếng Việt và tiếng Anh, sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp logic, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp...

Ngày nhận bài: 11/6/2020. Ngày sửa bài: 27/6/2020. Ngày nhận đăng: 10/7/2020.
Tác giả liên hệ: Trần Nam Trung. Địa chỉ e-mail: halantrung@gmail.com

cũng như kế thừa thành quả của các nhà nghiên cứu đi trước, tác giả bài viết sẽ tập trung làm sáng tỏ vấn đề này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chính sách của Mạc phủ Tokugawa đối với Phật giáo

Sau khi Toyotomi Hideyoshi qua đời năm 1598, Tokugawa Ieyasu (Đức Xuyên Gia Khang) với tư cách là lãnh chúa lớn nhất bắt đầu bước lên vũ đài chính trị ở Nhật Bản. Với thắng lợi trong trận Sekigahara năm 1600 dẹp yên các thế lực chống đối, ông đã thu tóm được quyền lực thực tế về tay mình [3, tr. 265]. Năm 1603, Ieyasu được phong chức Chinh Di Đại Tướng Quân, lập ra Mạc phủ Tokugawa, mở ra thời kỳ hòa bình lâu dài của Nhật Bản. Nhằm duy trì sự ổn định xã hội, Mạc phủ chủ trương “*tất cả các hệ thống tôn giáo, triết học và đạo đức phải nhằm đề cao và phải nhằm phối hợp với mục tiêu của chế độ đó là thiết lập một bộ máy chính trị và xã hội có thứ bậc trong sự kiểm soát*” [5, tr.223]. So với Mạc phủ Kamakura và Muromachi thì Mạc phủ Tokugawa không coi trọng Phật giáo bằng Nho giáo, nhất là Chu tử học. Tuy vậy, là một tôn giáo vốn gắn bó với chính quyền và được xem là “*một công cụ hữu hiệu để tăng lớp cầm quyền thực hiện các ý đồ chính trị*” [9, tr.60], Phật giáo đã được Mạc phủ Tokugawa triết đề sử dụng để ổn định trật tự xã hội và chống lại đạo Thiên Chúa. Nhằm thực hiện được mục tiêu này, Mạc phủ Tokugawa đã ban hành hàng loạt chính sách đối với Phật giáo.

Để tăng cường hiệu quả của việc thực thi chính sách cấm đạo Thiên Chúa, năm 1613, chính quyền Mạc phủ đã ban hành chế độ Đền gia (Danka seido). Chế độ này qui định “*tất cả những người dân Nhật Bản trưởng thành, hàng năm đều phải đến đăng kí (hộ khẩu) ở một ngôi chùa nhất định tại địa phương. Và, những người Trụ trì các chùa đó phải có trách nhiệm theo dõi, lưu giữ cẩn trọng, đầy đủ danh sách các tín đồ đã đăng kí*” [2, tr.95]. Các chùa có nhiệm vụ ban hành giấy chứng nhận cho các Phật tử thuộc chùa của mình gọi là giấy chứng nhận *Tự thỉnh*. Có *Tự thỉnh* này thì người dân mới được phép đi lại, kết hôn... Sau đó Mạc phủ Tokugawa bắt buộc người dân ở vùng nào phải đăng kí sinh hoạt tôn giáo tại ngôi chùa gần nhất trong vùng ấy. Ngôi chùa này gọi là *Đền na tự*. Các trường hợp như kết hôn, tử vong...*Đền na tự* phải ghi chép trong *Tự Thỉnh*. Năm 1631, cùng với việc cấm xây dựng tự viện mới, Mạc phủ yêu cầu các tông phái phải lập bản kê khai các tự viện trong tông phái mình. Năm 1635, Mạc phủ Tokugawa cho thành lập Jishabugyo (*Tự Xã Phụng Hành*), cơ quan quản lí, giải quyết các vấn đề có liên quan đến các tự viện và thần xã [6, tr. 221]. Sau khi ban hành chế độ đền gia (1613) và thiết lập Tự Xã Phụng Hành (1635), việc đăng kí (hộ khẩu) tại các chùa, thường gọi tắt là đăng kí tôn giáo đã trở thành việc bắt buộc cho tất cả các vùng. Mẫu đăng kí được Mạc phủ chuẩn hóa và duy trì đến năm 1870. Sau khi việc đăng kí tôn giáo được tiến hành, Trụ trì của chùa sẽ bảo đảm thân nhân của từng cá nhân và trình chứng nhận đăng kí của chùa tới người đứng đầu làng. Quyền lực này được gọi là *shuhanken (tôn phán quyền)*, tức là quyền chứng nhận tính chính thống của ngôi chùa.

Nhằm quản lí chặt chẽ các tự viện trong cả nước, ngay từ năm 1608, Mạc phủ Tokugawa đã quy định cho toàn thể những sư tăng tu hành ở núi Hieizan của Thiên Đài tông rằng: “*Tăng chúng ở vùng núi này, nếu không chuyên cần học đạo thì sẽ không được ra vào khu tăng phòng*” [8, tr.148]. Để duy trì trật tự trong tăng đoàn, chính quyền cũng hết sức quan tâm đến việc duy trì giới luật của các nhà tu hành. Do đó, cũng trong quy định đối với sư tăng của Thiên Đài tông ở núi Hieizan, Mạc phủ khẳng định “*Dù có chuyên cần học tập mà hành động không theo đúng giới luật thì phải nhanh chóng xuống núi*” [8, tr.149]. Như vậy, theo quy định của chính quyền, việc chuyên cần học tập và tuân thủ giới luật đã trở thành nghĩa vụ của sư tăng. Thời gian gia nhập tôn giáo và trình độ học vấn trở thành căn cứ để quy định cấp bậc của giới sư tăng. Năm 1615, Jiin Shohatto (*Chư Tông Tự Viện Pháp Độ*) bao gồm 9 điều được Mạc phủ ban hành. Nội dung của pháp lệnh là cấm việc xây dựng các tự viện mới, khích lệ học tập và nghiên cứu giới luật các tự

viện trong cả nước [6, tr.221]. Trong Tịnh Độ tông Chư Pháp Độ, Mạc phủ quy định “*Không được truyền viên giới cho những người không có học. Chỉ truyền viên giới cho những ai đủ 15 năm tu học. Phải có 20 năm tu học trở lên, được đại bản sơn Tăng Thượng Tự chấp nhận mới được triều đình tấn phong Chính Thượng Nhân. Nếu không đủ 20 năm thì chỉ ở hàng Quyền Thượng Nhân*” [7, tr.466]. Trên thực tế, chương trình đào tạo sư tăng của Tịnh Độ tông thời Tokugawa gồm 9 phần, mỗi phần học mất 3 năm nên để hoàn thành toàn bộ chương trình phải mất đến 27 năm [8, tr.149]. Đối với Chân Ngôn tông, năm 1613, Mạc phủ cũng quy định “*Những môn sinh sống trong núi để học tập Phật pháp nếu chưa đủ 20 năm sẽ không được dựng Pháp tràng thuyết giáo*” [8, tr.149]. Năm 1692, Mạc phủ ra lệnh buộc các tông phái phải nộp bản kê khai các tự viện cũng như quan hệ giữa Honji (*Bản tự*) và Matsuji (*Mạt tự*). Tại các địa phương, Mạc phủ yêu cầu chọn một hay vài chùa làm cơ quan hành chính để quản lý toàn bộ các tự viện trong vùng gọi là chế độ *Xúc Đầu*. Xúc Đầu có thể xem như Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành có trách nhiệm liên kết các chùa trong tông phái, có quyền bổ nhiệm Trụ trì, khen thưởng, kỷ luật và giải quyết các vấn đề kiện tụng giữa các chùa trong vùng [6, tr.223].

2.2. Những tác động từ chính sách của Mạc phủ Tokugawa đối với Phật giáo

Những chính sách mà Mạc phủ Tokugawa ban hành đối với Phật giáo đã có tác động nhiều mặt đối với chính quyền Mạc phủ, Phật giáo và người dân Nhật Bản.

Thứ nhất, *Với việc ban hành chế độ Đàn gia, Phật giáo bị biến thành công cụ hữu hiệu của chính quyền để chống lại Thiên Chúa giáo và kiểm soát các tầng lớp cư dân trong toàn quốc.*

Các ngôi chùa bình thường là nơi các tăng ni tu hành, nơi các Phật tử đến hành lễ nhưng với việc ban hành chế độ Đàn gia và thực hiện việc đăng kí tôn giáo đã bị biến thành một cơ quan có chức năng như một cơ sở hành chính tại địa phương, lo việc quản lý người dân hơn là lo về mặt tinh thần cho Phật tử, còn vị Trụ trì ngôi chùa thì trở thành một công bộc của chính quyền Mạc phủ. Có thể nói chế độ Đàn gia được ban hành đã làm thay đổi chức năng của các ngôi chùa Phật giáo ở Nhật Bản. Đây là điều chưa từng có ở bất cứ nơi nào mà Phật giáo được truyền bá đến. Để điều tra tôn giáo trong dân chúng phục vụ cho mục đích chống Thiên Chúa giáo, Mạc phủ Tokugawa đã buộc “*Tất cả các tu viện và nhà thờ được lệnh phải ghi lại tất cả những người cư trú trong xứ đạo của mình, phải ghi rõ tình trạng sinh tử, hôn nhân, đi lại, nghề nghiệp. Các tín đồ Phật giáo làm do thám cho chính quyền Bakufu để theo dõi các tín đồ công giáo*” [1, tr.75]. Trong lịch sử Nhật Bản, “*chưa có thời kì nào mà Phật giáo lại gần bó mật thiết đồng thời cũng bị chính quyền kiểm soát chặt chẽ như thời Tokugawa*” [10, tr.111]. Có thể nói những chính sách của Mạc phủ đối với Phật giáo khiến cho tôn giáo này bị biến thành cánh tay đắc lực của chính quyền nhằm kiểm soát và khống chế người dân trong trật tự mà chính quyền mong muốn. Điều này cũng đưa Phật giáo Nhật Bản chuyển sang thời kì phục hồi nhưng bị chính quyền khống chế chặt chẽ.

Thứ hai, *Việc các hộ gia đình phải tiến hành đăng kí tại các ngôi chùa cũng như các chùa có quyền cấp chứng nhận Tự thỉnh đã đem lại quyền lực lớn cho các ngôi chùa Phật giáo.*

Tôn phán quyền tạo ra quyền lực rất lớn của các ngôi chùa khi việc thiết lập hệ thống đàn gia ngày càng mở rộng. Điều tạo ra tầm quan trọng của *tôn phán quyền* nằm ở chỗ: nếu không nhận được giấy chứng nhận đăng kí tôn giáo của ngôi chùa thì vấn đề nghiêm trọng sẽ xuất hiện. Các cá nhân và gia đình (các đàn gia) sẽ bị coi là theo Thiên Chúa giáo hoặc các tôn giáo bị cấm và sẽ bị Mạc phủ điều tra gắt gao. Chính vì có đặc quyền này, trong thời gian tiến hành đăng kí gia nhập tôn giáo, nhiều viên chức của làng và các nhà sư tại các ngôi chùa gia đình (Đàn na tự) đã đặt ra nhiều yêu sách đối với các gia đình để đòi lấy chứng nhận của chùa. Lợi dụng quyền lực của mình và để tăng cường thêm sự ràng buộc giữa ngôi chùa với đàn gia, các chùa đã đặt ra “*Các quy định đối với chứng nhận tôn giáo dành cho đàn gia*”. Theo các quy định này, có 4 điều liên quan đến các nghi lễ tưởng nhớ tổ tiên và uy quyền của ngôi chùa mà các đàn gia phải tuân thủ nghiêm ngặt.

Điều 1: “Đàn gia - thậm chí là người đứng đầu đàn gia (đại diện của đàn gia) nếu không tham gia nghi lễ trong lễ kỉ niệm ngày mất của người sáng lập môn phái, lễ kỉ niệm ngày mất của đức Phật, lễ Bon trong tuần điểm phân hoặc lễ kỉ niệm ngày mất của tổ tiên ông ta, sẽ bị loại bỏ tên khỏi đăng kí, cơ quan đảm trách tôn giáo sẽ thông báo và đàn gia sẽ bị điều tra” [4, tr.266]. Như vậy, trên thực tế, sư Trụ trì của ngôi chùa, người thực thi tôn pháp quyền ở phạm vi cao nhất có thể loại bỏ địa vị đàn gia của một hộ gia đình và gia đình đó sẽ phải đối mặt với sự điều tra khắc nghiệt của Mạc phủ.

Điều 2: “Những tín đồ Cơ đốc và thành viên của phái Bất thụ bất thí vào ngày giỗ của tổ tiên không nhận đồ lễ của các nhà sư, không thông báo với chùa nhưng tụ tập với những người thế tục, khi nhà sư tới họ đón tiếp ông ta với sự thờ ơ, trong những trường hợp như thế việc điều tra nên được tiến hành” [4, tr.267]. Điều thứ hai cho thấy nếu một đàn gia không có sự tiếp đón trọng thị dành cho bậc tu hành của chùa tại buổi lễ vào ngày giỗ của tổ tiên, đàn gia đó sẽ bị coi như là tín đồ Cơ đốc hoặc là thành viên của phái tôn giáo bị cấm.

Điều 3: “Việc tiếp nhận dịch vụ kỉ niệm hay dịch vụ tang lễ của các ngôi chùa khác bị nghiêm cấm, ngoại trừ trường hợp chết ở tỉnh khác” [4, tr.267]. Điều thứ ba quy định các đàn gia bị bắt buộc phải tiếp nhận các dịch vụ kỉ niệm hay tang lễ của một ngôi chùa nhất định. Việc này nhằm ngăn cấm các gia đình thay đổi sự đăng kí gia nhập vào chùa, đồng thời ràng buộc chặt chẽ các gia đình đó với ngôi chùa đã đăng kí. Không tuân theo quy định này có nghĩa rằng các gia đình đó sẽ bị coi như là thành viên của tôn giáo phi chính thống.

Điều 4: “Những người đủ sức khỏe để đi những người không tham gia vào việc phục vụ lễ kỉ niệm tổ tiên hoặc những người lơ đãng với sự mộ đạo sẽ bị điều tra và sự cúng tiến mà người đó dành cho chùa sẽ bị điều tra kỹ lưỡng” [4, tr.267]. Điều thứ tư đưa ra cảnh báo rằng, nếu một đàn gia mà cư xử bất cẩn thì ngôi chùa có thể coi nó như là thành viên của tôn giáo phi chính thống và có quyền loại đàn gia đó ra khỏi đăng kí gia nhập tôn giáo.

Ngoài 4 điều cần tuân thủ trên, các đàn gia cũng phải thực hiện 5 nghĩa vụ khác. Các nghĩa vụ này bao gồm:

“Thứ nhất: đàn gia không thực hiện nghĩa vụ mà có thái độ ích kỉ, đàn gia không có nhu cầu đăng kí tôn giáo tiến hành bởi các bậc tu hành của chùa, và đàn gia không thực hiện sự đóng góp của mình với công việc của chùa sẽ bị coi như là người có niềm tin vào môn phái bất thụ bất thí phi chính thống.

Thứ hai: Môn phái phi chính thống là môn phái ở đó mọi người không tiếp nhận lời dạy của ngôi chùa gia đình, không hiến tiền cho nhà sư và các dự án của ngôi chùa hoặc không chấp nhận hiến tiền cho mọi người của các tôn giáo khác, vì thế (những đàn gia này) sẽ bị điều tra.

Thứ ba: Mặc dù đàn gia có thể đã thuộc về một ngôi chùa qua nhiều thế hệ và sự gia nhập vào một trong nhiều môn phái có thể rõ ràng, hậu duệ của họ có thể vì một lí do nào đó mà chưa chấp niệm tin vào một tôn giáo phi chính thống và sẽ bị chùa điều tra.

Thứ tư: Sau khi chết khi Trụ trì cạo đầu vào ban cho một kaimyo (giới danh hay pháp danh) ông ta có thể xác định xem liệu người chết có thuộc về một môn phái phi chính thống nào hay không dựa vào diện mạo của thi hài và ông ta sẽ tiến hành công việc điều tra kỹ lưỡng

Thứ năm: Đàn gia phải hoàn toàn tuân theo chỉ dẫn của ngôi chùa và hết lòng với tôn giáo” [4, tr.268 - 269].

Có thể nói, sự ra đời của chế độ đàn gia đã đem lại quyền lực lớn cho các chùa Phật giáo. Các ngôi chùa đã sử dụng quyền lực này để có được những quyền lợi vật chất và quyền xóa bỏ các đàn gia phạm lỗi ra khỏi đăng kí tôn giáo. Khi bị loại khỏi đăng kí tôn giáo, các đàn gia sẽ trở thành nạn nhân của sự phân biệt đối xử, thậm chí có thể bị đàn áp hay kết tội. Trong khoảng 10 năm, đàn gia có thể trở lại địa vị cũ nếu lấy được chứng nhận đăng kí từ sư Trụ trì của chùa. Tất nhiên, để làm được điều đó, đàn gia đó phải tặng quà cho chùa, đệ trình lời xin lỗi bằng văn bản

lên chùa, tìm lấy một người bảo lãnh và đề nghị được tái ghi vào sổ đăng kí gia nhập tôn giáo. Về trường hợp bị xóa tên khỏi đăng kí gia nhập tôn giáo và phải viết thư xin lỗi gửi lên ngôi chùa, nhà nghiên cứu Tamamuro Fumio đã cung cấp tư liệu là một bức thư của nông dân Sajiro ở làng Iiyama, huyện Aiko, tỉnh Sagami gửi chùa Seiren của phái Tịnh Độ Chân tông. Theo bức thư này thì nông dân Sajiro đã bị xóa tên khỏi đăng kí gia nhập tôn giáo vì đã phạm phải nhiều điều cấm như không tham gia các nghi lễ Phật giáo, không thực hiện các lệnh của chùa, không đóng góp cho việc xây dựng chùa và không đón tiếp phái phép đại diện của chùa. Tiếp đó, nông dân này đã bày tỏ sự hối hận vì những sai lầm của mình và hứa sẽ tuân thủ các quy định của chùa nếu được chùa cho phép tái đăng kí gia nhập vào ngôi chùa này [4, tr.277]. Tư liệu về bức thư trên cho thấy, *các chùa, với đặc quyền chứng nhận tính hợp pháp của các đàn gia đã nắm trong tay quyền quyết định đối với cuộc sống hay cái chết của tất cả các thành viên của đàn gia.*

Sự tồn tại của chế độ đàn gia còn dẫn đến việc một số nhà sư Trụ trì, sử dụng quyền đóng dấu chứng nhận của chùa để làm nhiều điều sai trái. Năm 1786, Towa, vợ của nông dân Matabei ở làng Hayakawa, tỉnh Sagami đã khiếu kiện nhà sư Tetsumei, Trụ trì Chosen-ji, ngôi chùa mà gia đình này đăng kí. Theo đó, khi chồng Towa đi làm ở làng bên, “*Tetsumei thăm nhà tôi và nói với tôi rằng nếu như tôi không quan hệ tình dục với ông ta, ông ta sẽ không ghi tên gia đình tôi vào đăng kí gia nhập tôn giáo (điều tương đương với việc quy cho gia đình tôi là tín đồ Cơ đốc giáo). Ông ta chỉ ra rằng điều này sẽ gây ra rất nhiều rắc rối cho Matabei và ông ta đưa ra rất nhiều lời đe dọa khác, ông ta đã ép tôi phải quan hệ*” [4, tr.283]. Mặc dù Towa muốn chấm dứt mối quan hệ này nhưng sư Trụ trì không đồng ý và quan hệ giữa hai người vẫn tiếp tục. Người chồng đã nộp đơn xin li hôn khi lần thứ hai khi bắt gặp hai người quan hệ tại nhà. Khi người vợ đến gặp Trụ trì, ông này đã chối từ những hứa hẹn đã đưa ra trước đây và cô này đã viết đơn khiếu kiện gửi tới sư Trụ trì chùa Seigen-in là chùa đứng đầu của vùng. Cuối cùng, do áp lực của phía các chùa, vụ kiện kết thúc với việc hòa giải của hai bên. Tuy vậy, hành động của nhà sư Trụ trì đã gây ra sự bất bình đối với các đàn gia của ngôi chùa và họ muốn phá vỡ mối liên hệ (không đăng kí) với Chosen-ji nữa vì vụ Towa. Theo những người này “... *Mặc dù tôi không biết liệu nó có đúng không, mọi người đã nghe rằng (nhà sư đã cố gắng giải quyết vấn đề bằng tiền) và với thái độ đó, thật khó để tôn trọng (Tetsumei) như là một sư tăng, người có địa vị khác hẳn những người thế tục và như là một Trụ trì của ngôi chùa dòng họ. Chúng tôi lo ngại việc yêu cầu ông ta tiến hành các lễ kỉ niệm cho tổ tiên và cha mẹ chúng tôi*” [4, tr.287 - 288]. Cuối cùng, 74 đàn gia đã quay lại với Chosen-ji, nhưng Tetsumei cũng phải gửi thư xin lỗi về những hành động của ông ta, hứa nộp con dấu chính thức của ngôi chùa cho nhà sư làm nhiệm vụ điều tra cùng với sổ sách, quà tặng, đất đai mà ngôi chùa đã được nhận, bị buộc phải từ bỏ chức vụ Trụ trì và về nghỉ. Vấn đề quan trọng cần nhấn mạnh ở đây là, *mặc dù nhà sư Trụ trì đã phạm tội rất nặng và gây ra sự bất bình với các gia đình phụ thuộc vào ngôi chùa nhưng các đàn gia vẫn không thể phá vỡ mối quan hệ (việc đăng kí tại chùa cũng như việc thực hiện các nghĩa vụ) với ngôi chùa đó. Nghĩa là chế độ đàn gia vẫn tồn tại và quyền lực của các ngôi chùa với các đàn gia vẫn rất lớn.*

Sau vụ Towa hơn 30 năm, vào năm 1819, cũng tại Chosen-ji, lại xảy ra việc các hộ đàn gia muốn thoát khỏi chùa này mà nguyên nhân cũng bắt nguồn từ sự nhũng nhiễu do chùa gây ra đối với các đàn gia và sự hủ bại của sư Trụ trì tên là Gyokutan. Theo đề nghị của các đàn gia thuộc chùa Chosen gửi lên chùa đứng đầu vùng là Seigen-in thì có 14 điều khiến họ muốn được thoát khỏi Chosen-ji trong đó nổi lên hai vấn đề lớn: Chùa thường lấy tiền các dịch vụ quá cao và sư Trụ trì sống hết sức sa đọa. Một số điều được vạch rõ trong bản đề nghị như:

“1. *Khi ai đó chết và cần đám tang, Trụ trì đòi mức phí cắt cổ.*

4. *Khi chúng tôi phải cúng tiến, ông ta khăng khăng số tiền mặt là 200 mon, 2 sho gạo và rau...*

7. *Đối với những đứa trẻ chết trước khi chúng được 9 đêm, chùa tiến hành một đám tang có quy mô lớn và sau đó yêu cầu rằng gia đình phải tiến hành nghi lễ kỉ niệm hàng năm.*

11. Trụ trì chuyển lậu cá vào các thùng chứa của chùa

12. ông ta dỗ ngọt để lấy sự cúng tặng (vàng và bạc) từ các đàn gia và sau đó dùng chúng cho các gái điếm hạng sang tại Yoi (một nhà chứa ở ga Hiratsuka)...” [4, tr.289 - 290]. Tất nhiên, vị sư Trụ trì đã tìm cách phủ nhận mọi lời buộc tội, thậm chí còn buộc tội các đàn gia là dẫm chân lên bài vị của Thiên hoàng và Tướng quân. Các hộ đàn gia tiếp tục gửi yêu cầu tới Seigen - in, đòi trục xuất sư Trụ trì và thay thế ông ta bằng một nhà sư chính trực khác, nếu được như vậy, họ sẽ không thoát khỏi ngôi chùa nữa. Cuối cùng, Seigen - in buộc phải đuổi vị Trụ trì hư hỏng kia khỏi chùa Chosen. Mặc dù các đàn gia đã buộc được vị Trụ trì sa đọa phải ra đi nhưng họ vẫn không thể phá vỡ mối ràng buộc với ngôi chùa.

Quyền lực và sự ràng buộc của các ngôi chùa không chỉ lớn đối với những người thuộc đẳng cấp thấp trong xã hội như nông dân trong các trường hợp trên, ngay cả các Samurai cũng không thể chống lại mong muốn của ngôi chùa gia đình và phá vỡ mối ràng buộc với nó được. Trường hợp của Tanaka Sahei là minh chứng cho điều này. Tanaka Sahei là một chư hầu có thứ bậc cao của vùng Kumamoto với mức lương 4000 koku. Ngôi chùa của gia đình ông ta là Zenjo-ji thuộc phái Tào Động. Sau khi được một nhà sư của chùa Honmyo thuộc phái Nhật Liên tông điều trị và phục hồi sức khỏe, Sahei muốn thay đổi sự gia nhập tôn giáo từ Zenjo-ji sang chùa Honmyo. Mặc dù Tanaka Sahei nói rằng con nuôi ông ta sẽ duy trì nghĩa vụ với Zenjo-ji song ngôi chùa này đã không chấp nhận đề nghị của ông. Lí do được Zenjo-ji đưa ra là “...Không có lí do đặc biệt nào dành cho việc dời bỏ ngôi chùa của chúng tôi... nếu cá nhân này dời đi trong nhiệm kỳ của tôi với cương vị như là Trụ trì chùa, nó sẽ là một vấn đề lớn đối với tôi bởi vì gia đình của cá nhân này đã có mối liên hệ lâu dài và đặc biệt đối với ngôi chùa của chúng tôi với tư cách như là tín đồ... Ý nghĩa của việc trở thành tín đồ của chùa liên quan không chỉ việc tiếp nhận một đám tang hay nhang thờ (các dịch vụ kỉ niệm) tại ngôi chùa mà tiếp nhận chứng chỉ của chùa chứng tỏ rằng ai đó không phải là thành viên của môn phái ma quỷ. Do đó, sẽ là không thể cho ai đó thay đổi sự gia nhập môn phái mà không bị trừng phạt ” [4, tr.279 - 280]. Sự việc này đã dẫn đến cuộc tranh cãi gay gắt giữa chùa Zenjo và chùa Honmyo. Lãnh địa Kumamoto không thể giải quyết được cuộc tranh cãi và buộc phải nhờ đến sự phán xét của các quan tòa dành cho đền - chùa. Kết cục, Sahei bị bãi chức và bị bắt giữ tại nhà [4, tr.281]. Những trường hợp trên cho thấy, trong mối quan hệ giữa ngôi chùa và các đàn gia, ngôi chùa đã có quyền lực quá mạnh. Ngay cả một Samurai có thứ bậc cao như Sahei nhưng đã bị tước đi cả vị trí và địa vị xã hội do đối lập với ngôi chùa mà gia đình ông ta đăng kí. Sự gắn kết với chính quyền Mạc phủ Tokugawa đã đem lại quyền lực đáng sợ cho các ngôi chùa Phật giáo, biến chúng thành công cụ hữu hiệu của chính quyền trong việc kiểm soát và khống chế dân cư từ nông dân đến tầng lớp võ sĩ. Quyền lực này của các ngôi chùa Phật giáo chỉ mất đi cùng với sự sụp đổ của Mạc phủ Tokugawa khi cuộc duy tân Minh Trị nổ ra năm 1868.

Thứ ba, **Những quy định của chính quyền Mạc phủ Tokugawa đối với các tự viện đã dẫn tới phong trào phục hưng học thuật của các tông phái Phật giáo Nhật Bản**

Thời kì Tokugawa đánh dấu một phong trào phục hưng học thuật của các tông phái Phật giáo. Kết quả của sự phục hưng này là sự ra đời của hàng loạt các cơ sở đào tạo sư tăng thuộc các tông phái gọi là Đàn Lâm, Học Lâm, Đàn Sở. Tịnh Độ tông lập ra 18 Đàn Lâm. Nhật Liên tông trong vòng hơn 100 năm xây dựng được 21 Đàn Lâm. Thiên Đài tông cũng lập được 8 cơ sở, Chân Ngôn 9 cơ sở. Nhiều nhất là Tào Động tông có tới 24 Đàn Lâm [6, tr.232]. Tại các Đàn Lâm, ngoài kinh điển Phật giáo, kinh điển Nho giáo và các tư tưởng khác của Trung Hoa cũng được đưa vào giảng dạy. Theo nghiên cứu của Phạm Thu Giang, tại các cơ sở của Tào Động tông, “cùng với Tông thừa (Thiền học nói chung), Dur Thừa (Phật học nói chung), tọa thiền còn giảng dạy các môn như Hán học, Hán thư”. Trong khi đó, tại các cơ sở của phái Honganji (Bản Nguyên tự) thuộc Tịnh Độ Chân tông “ngoài những môn học chính còn có thời kì dạy cả 5 môn học kèm theo như Dur thừa, Quốc học, Nho học, Lịch học, Thư pháp ” [8, tr.151]. Mặc dù phái

đáp ứng được những yêu cầu khá cao (với Tịnh Độ tông phải trên 15 tuổi, trên người không có thương tật, đọc thông thạo Tịnh độ tam kinh và là đệ tử của Tịnh Độ tông) nhưng số người theo học tại các cơ sở đào tạo này rất đông. Theo khảo sát của nhà nghiên cứu Tamamuro Fumio thì ở chùa Zojoji thường xuyên có tới 3000 môn sinh. Tại các cơ sở của Tào Động tông vào những năm (1751 - 1772) có tới 1000 môn sinh. Năm 1788, số môn sinh tại các cơ sở đào tạo của phái Honganji thuộc Tịnh Độ Chân tông lên tới 1347 người [8, tr.150]. Mặc dù từ thời Tokugawa, do các cơ sở giáo dục công như trường học của các Phiên hay các trường tư thực tăng nhanh nên các cơ sở giáo dục của giới Phật giáo không còn là “*cơ sở giáo dục duy nhất*”, nhưng nó đã đóng vai trò lớn trong sự nghiệp giáo dục đối với tầng lớp dân thường nói chung. Hơn nữa, các cơ sở đào tạo sư tăng của các tông phái Phật giáo thời Tokugawa đã duy trì được vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động giáo dục và đào tạo, đồng thời tiếp tục khẳng định được vị thế *như một trường đại học tổng hợp và nơi tập trung những thành tựu tri thức của thời cận thế*. Thông qua việc đào tạo đội ngũ sư tăng cho các tông phái và cung cấp nhiều tri thức cho xã hội đương thời, các cơ sở này xứng đáng được xem như những trường đại học thời cận thế.

3. Kết luận

Thời kì Edo hay Tokugawa là giai đoạn phát triển cuối cùng và cao nhất của chế độ phong kiến Nhật Bản. Sau khi được thành lập (1603), Mạc phủ Tokugawa đã ban hành hàng loạt chính sách nhằm hướng tới xây dựng một thiết chế ổn định, tái thiết nền hòa bình và thống nhất quốc gia. Những chính sách của Mạc phủ Tokugawa đối với Phật giáo là một bộ phận trong tổng thể chính sách đó và về cơ bản mang tính chất hai mặt: vừa triệt để sử dụng vừa tăng cường kiểm soát Phật giáo. Việc thực thi những chính sách đối với Phật giáo trong thời Tokugawa đã có tác động nhiều mặt (cả tích cực và tiêu cực). Đối với Phật giáo, những chính sách của Mạc phủ Tokugawa đánh dấu *thời kì phục hồi nhưng bị khống chế chặt chẽ* của tôn giáo này ở Nhật Bản. Những đặc quyền mà Phật giáo có được đã đem lại quyền lực rất lớn cho các ngôi chùa Phật giáo đối với người dân Nhật Bản từ nông dân tới võ sĩ. Đây cũng là thời kì chứng kiến sự phục hưng học thuật của các tông phái Phật giáo Nhật Bản. Đối với Chính quyền Mạc phủ, Phật giáo bị chính quyền khống chế chặt chẽ, trở thành phương tiện hữu hiệu để chống lại Thiên Chúa giáo cũng như kiểm soát cư dân, duy trì trật tự xã hội phong kiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] George Sansom, 1995. *Lịch sử Nhật Bản. Tập III, 1615 – 1867*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Văn Kim, 2000. *Chính sách đồng hóa của Nhật Bản thời Tokugawa: Nguyên nhân và hệ quả*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Kim, 2003. *Nhật Bản với châu Á: Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Tamamuro Fumio, 2001. “Local society and the Temple - Parishioner relationship within the Bakufu’s Governance structure”. *Japanese Journal of Religious Studies*, (28), pp.261-292.
- [5] Joseph. M. Kitagawa, 2002. *Nghiên cứu tôn giáo Nhật Bản*, Hoàng Thị Thơ (dịch). Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] Giác Dũng, 2002. *Lịch sử Phật giáo Nhật Bản*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [7] Trần Quang Thuận, 2008. *Phật giáo Nhật Bản*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [8] Phan Hải Linh (chủ biên), 2010. *Bài giảng chuyên đề Nghiên cứu Nhật Bản - Lịch sử văn hóa xã hội*. Nxb Thế giới.

- [9] Trần Nam Trung, 2007. “Vài nét về ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống chính trị - xã hội Nhật Bản (thế kỉ VI – XIX)”. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. Số 2, tr.60 – 65.
- [10] Trần Nam Trung, 2016. “Vai trò và vị trí của Phật giáo trong đời sống chính trị Nhật Bản thời cổ - trung đại”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Số 2, tr.110 -115.

ABSTRACT

Tokugawa Shogunate's policy on Buddhism and its implications

Tran Nam Trung

Faculty of History, Hanoi National University of Education

In 1603, Tokugawa Ieyasu established the Tokugawa Shogunate, ushering in a long period of Japanese peace. In order to maintain social stability, the Tokugawa Shogunate has issued a series of policies in the fields of politics, economy, culture, and society. For Buddhism, the bakufu forced families to register for permanent religious activities at a local temple; required the sects to make a list of monasteries in their sects; banned the construction of new monasteries; encouraged the learning and researching discipline of monasteries throughout the country. These policies have had a multifaceted impact on the bakufu government, as well as Buddhism. For Buddhism, the policies of the Tokugawa shogunate marked a period of restoration but tightly controlled by this religion in Japan. The privileges that Buddhism possesses have given great power to Buddhist temples to Japanese people from peasants to samurai. This was also a period of witness to the academic revival of the Japanese Buddhist sects. For the bakufu government, Buddhism was tightly controlled by the government, becoming an effective tool to fight against Christianity as well as managing and controlling the inhabitants, and strengthening the feudal social order.

Keywords: Tokugawa Shogunate, Japanese Buddhism, Shogunate's policy, Religious policy of the Tokugawa shogunate, anti-Christian policy in Japan during the Tokugawa period.